

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

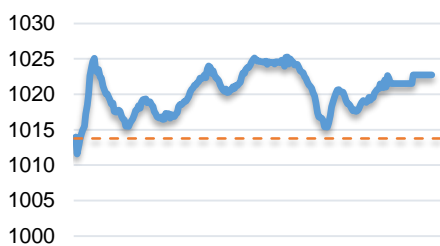
05/06/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

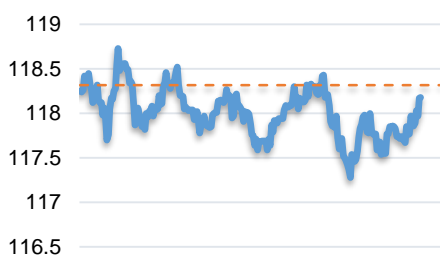
Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	1,022.7	118.2	53.6
% ngày	0.88	-0.11	-0.05
% tuần	7.41	4.69	2.43
% tháng	-0.40	-3.58	-4.48
% năm	37.56	24.50	-7.43
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	4,148.30	746.06	159.40
Hôm qua	4,741.91	691.89	131.78
TB 1 tháng	3,800.32	622.05	178.75
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	909.62	10.62	34.7
Bán	946.30	36.27	33.97
Giá trị ròng	(36.68)	(25.65)	0.73
Độ rộng TT			
Mã Tăng	160	88	74
Mã Giảm	120	85	75
Không Đổi	73	211	585
Chỉ số chính			
P/E	19.4x	13x	11.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,075	219	849
LS Cổ tức	1.74	2.66	3.78

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thời gian gần đây khi những thông tin bất ổn của thị trường thế giới đang ở trong giai đoạn “ngủ đông” nên khối ngoại đang giảm dần lực hút của dòng tiền đầu tư tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên trong hôm nay khối ngoại tiếp tục bán ròng một lượng nhỏ ở mức hơn 60 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 8.96 điểm (+0.88%) lên 1,022.74 điểm, HNX-Index giảm nhẹ 0.11% còn 118.18 điểm, Upcom-Index cũng giảm nhẹ 0.05% điểm còn 53.6 điểm. Hôm nay thị trường vẫn giữ được sắc xanh nhờ sự hỗ trợ mạnh của ngành dầu khí. Biểu hiện cụ thể dòng dầu khí có GAS tiếp tục tăng trần từ đầu phiên, góp điểm số nhiều nhất cho chỉ số, ngoài ra PVD cũng tăng trần, PVS, OIL hay BSR cũng tăng giá mạnh.

Xuất khẩu thủy sản trong 5 tháng đầu năm 2018 tăng 11.1% so với cùng kỳ, dòng tiền trên thị trường đang có sự dịch chuyển vào nhóm cổ phiếu này trong hai phiên giao dịch gần đây. Dòng thủy sản từ các mã ASM, IDI, VHC đều chốt tại giá kịch trần với mức thanh khoản cao.

Nói riêng về dòng cổ phiếu ngân hàng – ngành vẫn đang là tiêu điểm từ đầu năm 2018 đến nay. Cổ phiếu TCB mới lên sàn ngày 4/6, khi các nhà đầu tư có tâm lý chốt lời tại thời điểm hiện nay nên giá giảm 6,3% chỉ còn 96,000đồng/cp và là cổ phiếu khiến VNIndex giảm nhiều nhất. Bên cạnh đó còn có VCB (-1.2%), ACB (-0.7%), BID (-0.3%), TPB (-0.3%) cũng giảm làm chỉ số không tăng mạnh trong phiên hôm nay. Sự tăng điểm của các mã vào cuối phiên giao dịch như CTG (+1.6%), EIB (+3.7%), HDB (+0.5%) và VPB (+0.4%) giúp cho thị trường không giảm nhiều.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng áp lực bán có thể sẽ tiếp tục gia tăng và khiến các chỉ số chính sẽ rung lắc trong phiên giao dịch 06/06/2018. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật, đồ thị giá đang bước vào giai đoạn tích lũy cho nên thị trường sẽ liên tục xuất hiện các nhịp điều chỉnh nhẹ trong phiên, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là nhóm cổ phiếu dầu khí cũng đã thu hút dòng tiền trở lại. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá nhóm ngân hàng vẫn sẽ là nhóm cổ phiếu dẫn dắt chính khi dòng dầu khí vẫn chưa hoàn toàn khẳng định xu hướng. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu đã tăng trên mức 50% cho thấy cơ hội mua mới tiếp tục được mở ra.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức chốt lỗ ở mức 948.27 điểm của chỉ số VN-Index và 108.29 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu hoặc mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị: 52% cổ phiếu/48% tiền mặt.



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,070.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	138.5	127.0	115.5	103.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	22.55	TĂNG	TĂNG	20.40	20.22	10.54%			22.42		
ACB	41.70	TĂNG	GIẢM	42.00	36.00	-0.71%			49.70		
BFC	30.20	GIẢM	GIẢM		31.00				34.31		
BHN	108.90	TĂNG	GIẢM	114.00	95.78	-4.47%			132.78		
BID	30.40	TĂNG	GIẢM	30.50	25.63	-0.33%			38.64		
BMP	62.60	TĂNG	GIẢM	56.10	57.95	11.59%			63.44		
BSR	19.80	GIẢM	TĂNG		20.69						
BVH	94.90	TĂNG	GIẢM	94.90	83.19	0.00%			109.19		
BWE	19.10	GIẢM	GIẢM		20.77				23.94		
CEO	16.00	GIẢM	GIẢM		17.87				17.99		
CHP	25.20	TĂNG	GIẢM	24.65	24.85	2.23%			26.29		
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	13.55	14.17	10.70%		14.80	12.01	1.35%	
CTD	156.00	TĂNG	GIẢM	138.00	134.58	13.04%			160.75		
CTG	28.40	TĂNG	GIẢM	28.40	28.11	0.00%	MUA		34.25		
CTI	29.50	GIẢM	GIẢM		32.09				36.25		
CVT	30.50	GIẢM	GIẢM		31.23				35.90		
DGW	29.00	TĂNG	TĂNG	27.15	25.07	6.81%		16.40	23.82	76.83%	
DHA	28.25	GIẢM	GIẢM		28.57				31.41		
DHC	42.00	GIẢM	GIẢM		45.08				46.93		
DHG	115.00	TĂNG	TĂNG	109.00	99.44	5.50%		115.00	96.90	0.00%	
DPG	52.50	GIẢM	GIẢM		56.89				62.82		
DPM	18.10	TĂNG	GIẢM	18.10	17.83	0.00%	MUA		21.14		
DPR	40.30	TĂNG	GIẢM	40.70	38.98	-0.98%			42.17		
DQC	32.70	GIẢM	GIẢM		34.61				37.41		
DRC	21.40	GIẢM	GIẢM		21.56				25.36		
DXG	33.95	TĂNG	TĂNG	30.75	29.06	10.41%			33.26		
ELC	10.60	GIẢM	GIẢM		10.72				12.59		
FCN	15.90	TĂNG	GIẢM	15.40	13.43	3.25%			18.98		
FIT	5.56	TĂNG	GIẢM	5.56	5.40	0.00%	MUA		6.79		
FMC	22.80	TĂNG	GIẢM	21.95	19.12	3.87%			26.16		
FPT	47.80	GIẢM	GIẢM		49.38				54.45		
GAS	98.70	GIẢM	GIẢM		104.42				124.57		
GIL	42.00	TĂNG	TĂNG	44.00	39.63	-4.55%		34.90	40.98	20.34%	
GMD	28.00	TĂNG	GIẢM	27.35	24.43	2.38%			31.17		
GTN	9.86	GIẢM	GIẢM		10.06				12.52		
HAG	4.73	GIẢM	GIẢM		4.85				6.17		
HAX	16.50	TĂNG	GIẢM	16.50	16.05	0.00%	MUA		20.04		
HBC	26.80	TĂNG	GIẢM	25.40	22.35	5.51%			30.98		

We Create Fortune

HDB	43.20	TĂNG	GIẢM	39.00	37.53	10.77%			46.20		
HNG	8.60	TĂNG	TĂNG	8.36	7.33	2.87%		8.20	7.24	4.88%	
HPG	59.00	TĂNG	GIẢM	56.10	54.35	5.17%			60.57		
HSG	12.85	TĂNG	GIẢM	11.30	10.50	13.72%			14.82		
HT1	12.10	GIẢM	GIẢM		12.94				14.80		
HUT	6.80	TĂNG	GIẢM	6.80	6.57	0.00%	MUA		8.73		
HVN	33.10	TĂNG	GIẢM	33.10	27.72	0.00%	MUA		47.23		
ITD	13.40	TĂNG	TĂNG	11.30	12.24	18.58%		12.40	12.18	8.06%	MUA
KBC	12.65	GIẢM	GIẢM		13.10				14.79		
KDH	33.05	GIẢM	GIẢM		34.17				39.47		
KSB	35.55	GIẢM	GIẢM		36.28				41.09		
LCG	9.50	GIẢM	GIẢM		9.92			11.10	9.54	-14.09%	
LIX	41.50	GIẢM	GIẢM		44.72				48.22		
LPB	12.80	GIẢM	GIẢM		13.03				17.46		
LSS	8.20	GIẢM	GIẢM		8.99				10.06		
MSN	85.40	GIẢM	GIẢM		88.22				106.66		
MWG	110.90	GIẢM	GIẢM		112.43				115.64		
NKG	23.80	TĂNG	GIẢM	22.25	19.80	6.97%			26.94		
NLG	33.75	TĂNG	GIẢM	33.75	32.15	0.00%	MUA		38.47		
NT2	28.70	GIẢM	GIẢM		28.79				31.96		
NTL	9.78	TĂNG	TĂNG	9.78	9.74	0.00%	MUA	10.45	8.94	-6.41%	
NTP	51.00	TĂNG	GIẢM	53.00	49.75	-3.77%			58.97		
PAC	42.50	TĂNG	GIẢM	42.50	41.29	0.00%	MUA		46.40		
PC1	29.70	GIẢM	GIẢM		30.81				35.82		
PDR	30.75	GIẢM	GIẢM		30.91				34.14		
PGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.32				15.75		
PHR	43.30	TĂNG	GIẢM	43.70	40.53	-0.92%			47.47		
PLC	18.80	TĂNG	GIẢM	19.60	18.08	-4.08%			21.76		
PLX	65.60	TĂNG	GIẢM	65.60	64.14	0.00%	MUA		79.68		
PNJ	179.00	TĂNG	GIẢM	179.00	174.94	0.00%	MUA		196.38		
POW	14.20	GIẢM	TĂNG		14.94						
PPC	17.20	GIẢM	GIẢM		18.14				19.54		
PTB	96.00	GIẢM	GIẢM		97.24				107.02		
PVD	14.65	GIẢM	GIẢM		14.95				20.34		
PVI	33.20	GIẢM	GIẢM		33.71				38.03		
PVS	18.20	GIẢM	GIẢM		18.45				23.08		
PXS	5.75	GIẢM	GIẢM		6.03				7.81		
RAL	106.50	GIẢM	GIẢM		114.81				134.70		
REE	34.30	TĂNG	GIẢM	33.90	31.11	1.18%			39.36		
SAB	247.60	TĂNG	TĂNG	247.60	245.18	0.00%	MUA	252.40	206.97	-1.90%	
SAM	7.35	GIẢM	GIẢM		7.55				8.39		
SBV	30.45	GIẢM	GIẢM		30.66				32.75		
SCR	9.41	GIẢM	GIẢM		9.61				11.83		



We Create Fortune

SHI	6.65	TĂNG	TĂNG	6.83	6.45	-2.64%		6.99	5.88	-4.86%	
SJS	22.30	GIẢM	GIẢM		23.66				27.04		
SKG	28.45	TĂNG	TĂNG	26.60	24.35	6.95%			28.28		
SSI	33.50	TĂNG	GIẢM	32.00	29.30	4.69%			38.48		
STB	12.90	TĂNG	GIẢM	12.55	11.25	2.79%			14.71		
SVC	48.00	TĂNG	GIẢM	47.90	47.10	0.21%			51.89		
TCM	20.30	GIẢM	GIẢM		20.60				22.70		
TDH	15.55	TĂNG	GIẢM	15.50	14.18	0.32%			16.90		
TLH	9.92	TĂNG	GIẢM	9.92	9.90	0.00%	MUA		11.42		
TMT	8.94	GIẢM	TĂNG		9.88			10.55	8.66	-15.26%	
TNG	12.60	GIẢM	GIẢM		13.06				15.24		
TYA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.95	14.86	-0.94%			16.97		
VCB	58.60	TĂNG	GIẢM	54.10	52.11	8.32%			65.04		
VFG	48.80	TĂNG	TĂNG	37.10	46.05	31.54%		46.10	41.55	5.86%	
VGC	24.30	TĂNG	GIẢM	23.10	21.35	5.19%			27.09		
VIB	30.40	GIẢM	GIẢM		30.62				34.84		
VIC	121.10	TĂNG	GIẢM	116.00	107.54	4.40%			132.50		
VIP	6.97	GIẢM	TĂNG		7.31			6.71	6.82	3.81%	
VJC	173.00	TĂNG	GIẢM	170.30	147.25	1.59%			207.23		
VKC	6.80	TĂNG	TĂNG	6.20	6.30	9.68%		6.80	5.29	0.00%	
VNM	177.00	TĂNG	GIẢM	175.00	160.92	1.14%			187.18		
VPB	49.40	TĂNG	GIẢM	46.00	42.15	7.39%			55.82		
VRC	16.20	GIẢM	GIẢM		17.33				20.17		
VRE	45.30	TĂNG	GIẢM	45.45	41.16	-0.33%			52.78		
VSC	32.60	TĂNG	GIẢM	32.60	29.03	0.00%			36.80		
VSH	16.80	GIẢM	TĂNG		17.11			17.40	16.36	-3.45%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,022.74	0.88
VN30	1,007.32	1.07
VN Mid	1,043.20	1.88
VN Small	849.95	0.70

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	909.62	
Bán	946.30	
GT ròng	(36.68)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NLG	2,200	7.0%
NKG	1,550	7.0%
SKG	1,850	7.0%
PVD	950	6.9%
GAS	6,400	6.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TCB	(6,400)	-6.3%
BMI	(950)	-3.7%
BWE	(650)	-3.3%
HPG	(1,000)	-1.7%
SAM	(100)	-1.3%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	319,426	
VHM	316,194	
VNM	256,871	
VCB	210,829	
GAS	188,907	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	8.11	5.37
CTG	7.85	5.89
HSG	7.36	3.44
FLC	7.18	4.31
ASM	6.60	4.38

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	118.18	(0.11)
HN30	215.08	0.27
VNX AllSh	1,431.41	1.03

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.62	
Bán	36.27	
GT ròng	(25.65)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HGM	3,800	9.9%
HUT	500	7.9%
PVX	100	6.7%
PVS	600	3.4%
VC3	600	3.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	(400)	-2.1%
VGC	(200)	-0.8%
ACB	(300)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	45,223	
VCS	15,520	
SHB	11,550	
VGC	10,895	
PVS	8,130	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KLF	8.45	1.49
SHB	6.98	13.42
PVS	5.80	4.87
DST	4.97	3.09
ACB	4.69	4.41

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.60	(0.05)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	34.70	
Bán	33.97	
GT ròng	0.73	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	800	4.7%
BSR	600	3.1%
ACV	2,500	2.8%
VGT	300	2.5%
DBD	1,000	2.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	(4,000)	-5.9%
GVR	(400)	-4.5%
SDI	(2,400)	-3.7%
MPC	(1,700)	-2.1%
DVN	(200)	-1.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	197,030	
BSR	61,390	
MCH	50,938	
HVN	41,319	
GVR	33,600	

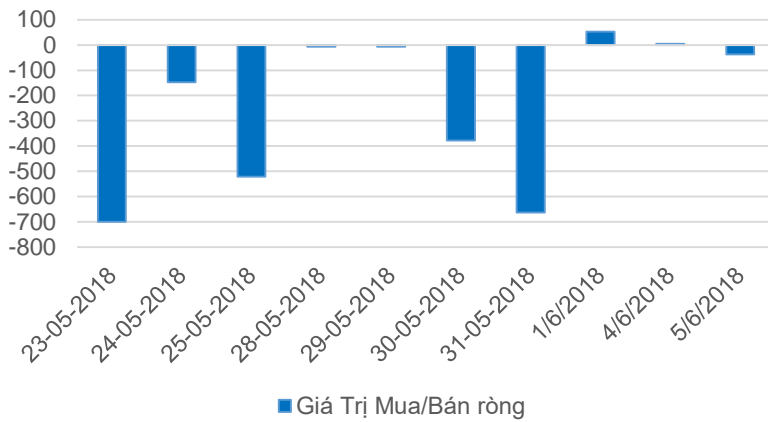
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
POW	2.90	1.60
LPB	2.29	2.43
BSR	1.22	1.21
OIL	1.14	0.89
TBD	0.56	0.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

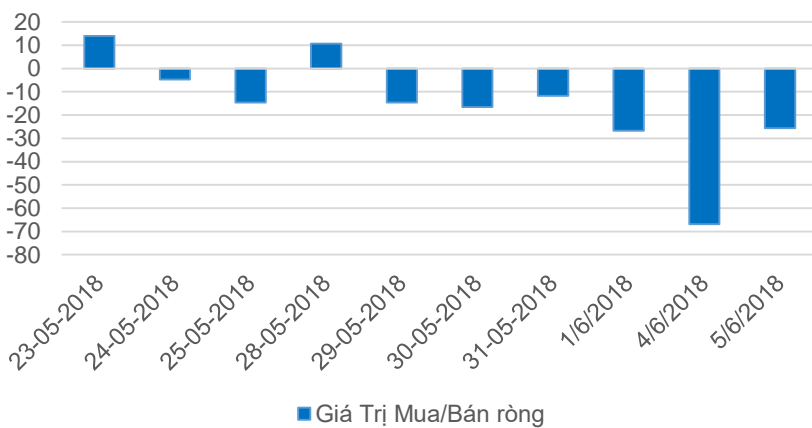
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	77,060	VHM	(43,128)
VCB	25,925	MSN	(36,975)
VHC	20,607	DHG	(30,718)
CTD	20,301	HSG	(22,105)
HDB	13,203	E1VFN30	(22,059)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

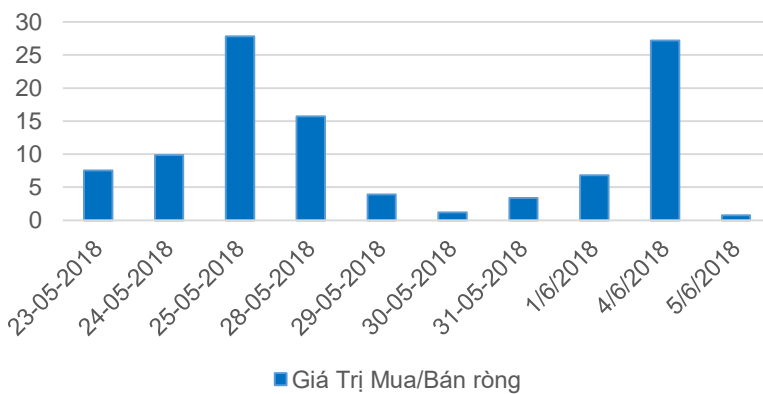
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHS	2,285	VGC	(12,608)
TTZ	220	PVS	(7,775)
SHB	117	CEO	(4,115)
VGS	108	TNG	(1,828)
KVC	58	DBC	(964)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
QNS	2,275	POW	(4,252)
ACV	1,673	GVR	(855)
SCS	709	VGT	(362)
HVN	555	CTR	(48)
MCH	243	SGN	(28)

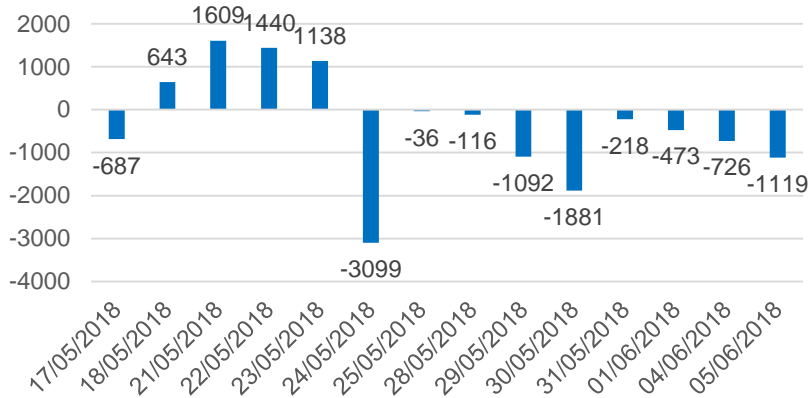
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

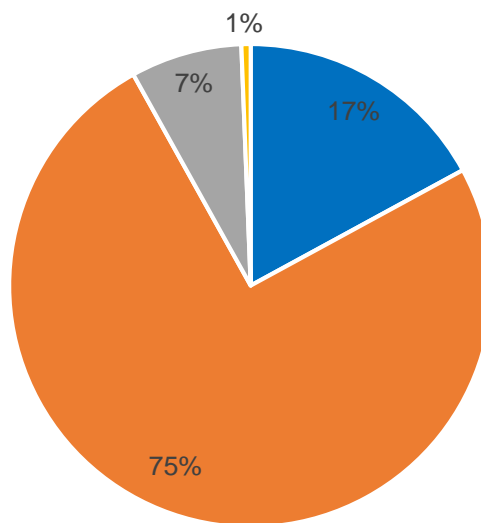


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
E1VFN30	23,824	HPG	50,925
HDB	8,669	VNM	39,770
HSG	4,109	VIC	25,183
MSN	4,055	NVL	20,392
VIC	3,752	MSN	6,020

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



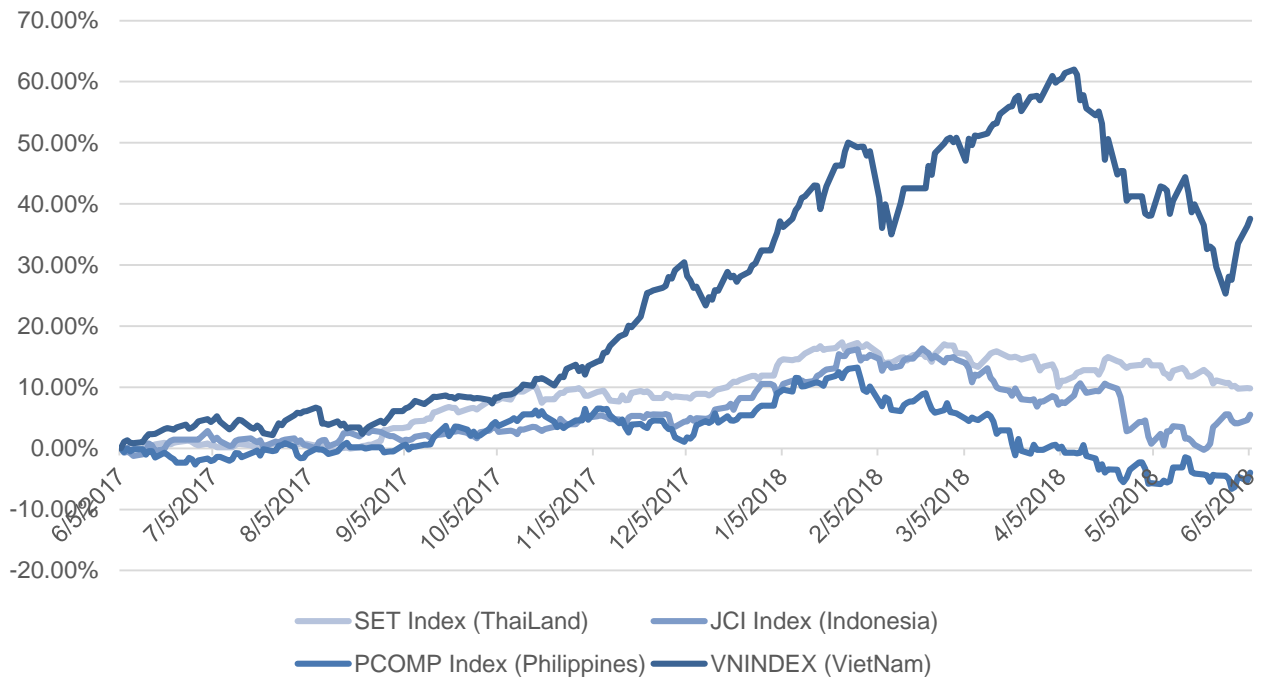
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

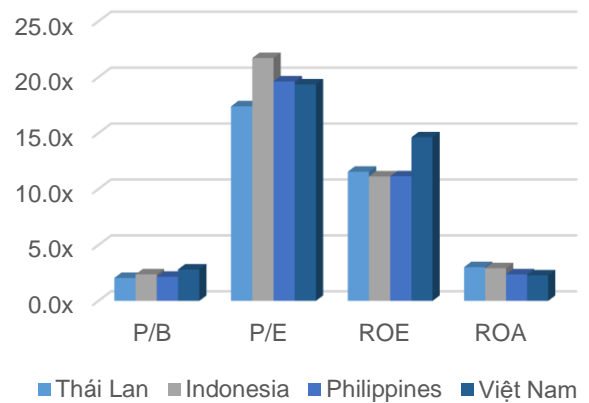
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.4x	2.2x	2.8x
P/E		17.4x	21.7x	19.6x	19.4x
ROE	%	11.55	11.13	11.14	14.63
ROA	%	3.02	2.92	2.37	2.28
Vốn hóa	Tỷ USD	542.37	486.99	179.85	134.73
GTGD	Triệu USD	1.48	0.58	0.07	0.18
LS cổ tức	%	2.98	2.21	1.62	1.74

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written